TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 150/2020/QĐST- DS	*Cai Lậy, ngày 30 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 157/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Xét, nguyên đơn bà Lê Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N có đơn xin miễn án phí do ông bà là người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1937.

Địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Tp, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

Ông Lê Văn C, sinh năm: 1942.

Địa chỉ: ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Tp, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

Chị Nguyễn Thị Việt O, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Tp, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

Ông Nguyễn Văn Bé T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của ông N, chị O, anh Việt A và ông T:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Tp, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ghi nhận hộ bà Lê Thị T và thành viên trong hộ là ông Nguyễn Văn Bé T và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị Việt O, anh Nguyễn Việt A mở cho ông Lê Văn S một lối đi có diện tích 24,7m^2 nằm trong tổng diện tích 1.295,2 m^2, do bà Lê Thị T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, thuộc thửa 272, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T (có sơ đồ kèm theo). Phần lối đi có diện tích 24,7m^2, có tứ cận như sau:

- Phía Đông: giáp phần đất của ông Trần Văn B dài 12,36m.

- Phía Tây: giáp phần đất còn lại của bà Lê Thị T dài 12,34m.

- Phía Nam: giáp phần đất của ông Lê Văn S dài 2m.

- Phía Bắc: giáp phần đất còn lại của bà Lê Thị T dài 2m.

Ghi nhận ông Lê Văn S tự nguyện mở cho hộ bà Lê Thị T và thành viên trong hộ là ông Nguyễn Văn Bé T và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị Việt O, anh Nguyễn Việt A một lối đi có diện tích 58,9m^2 nằm trong tổng diện tích 1.270,9 m^2, do ông Lê Văn S đứng tên quyền sử dụng đất, thuộc thửa 372, tờ bản đồ số 20, địa chỉ tại ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T (có sơ đồ kèm theo). Phần lối đi có diện tích 58,9 m^2, có tứ cận như sau:

- Phía Đông: giáp phần đất của ông Trần Văn B dài 29,50m.

- Phía Tây: giáp phần đất còn lại của ông Lê Văn S dài 29,39m.

- Phía Nam: giáp phần đất của bà Lê Thị T dài 2m.

- Phía Bắc: giáp phần đất của ông Lê Văn C dài 2m.

Ông Lê Văn S tự nguyện di dời 03 cây kiểng (cây mai vàng) để giao phần đất mở lối đi cho hộ bà T.

Ghi nhận ông Lê Văn S và hộ bà Lê Thị T, thành viên trong hộ là ông Nguyễn Văn Bé T và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị Việt O, anh Nguyễn Việt A thỏa thuận các đương sự không phải trả tiền đền bù cho nhau và thỏa thuận phần đất mở lối đi nêu trên sẽ được sử dụng làm lối đi chung của ông S và hộ bà T, ông T, bà L, ông N, chị O, anh Việt A.

Ghi nhận việc bà Lê Thị T tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn C về việc yêu cầu ông C mở lối đi qua bất động sản liền kề.

- Về án phí: Bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn N thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn Bé T, chị Nguyễn Thị Việt O và anh Nguyễn Việt A chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn S chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai thu số 17075 ngày 04/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Như vậy hoàn lại cho anh S số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thẩm phán

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu .

Ngô Lê Quế Thanh